

CHƯƠNG TRÌNH TẬP HUẤN VỀ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ

GIẢNG VIÊN: PHẠM THỊ HƯƠNG

TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

CHƯƠNG I. TỔNG QUAN VỀ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ

1. Khái niệm TMĐT

2. Đặc điểm và phân loại TMĐT

3. Lợi ích và hạn chế của TMĐT

1. Khái niệm TMĐT

1. 1. Internet

Ngày 29/10/1969, mạng truyền tải dữ liệu và âm thanh đầu tiên trên thế giới hoạt động trên cơ sở truyền các gói dữ liệu đã bắt đầu hoạt động. Người đã đưa ra ý tưởng chính về mạng này chính là GS Joseph Carl Robnett Licklider, nhà khoa học ngày nay được ví như “cha đẻ” của internet

Năm 1997, Internet đã được chính thức đưa vào khai thác sử dụng ở Việt Nam

1. Khái niệm TMĐT

1. 2. Sự phát triển của Internet

Tốc độ trung bình mạng internet di động tại Việt Nam tăng 8 bậc, xếp thứ 43/138 quốc gia, trong khi mạng cố định tăng một bậc lên 45/179 quốc gia được SpeedTest khảo sát tính tới tháng 1-2023. Cụ thể, tốc độ trung bình mạng di động tại Việt Nam đạt 46,66 Mbps và tốc độ trung bình mạng cố định đạt 84,18 Mbps

1. Khái niệm TMĐT

1.3. TMĐT được định nghĩa sơ bộ là các giao dịch thương mại dựa trên truyền dữ liệu qua các mạng truyền thông như Internet

TMĐT là việc tiến hành các hoạt động thương mại thông qua các thiết bị điện tử cố kết nối với nhau.

Thương mại điện tử (Ecommerce/electronic commerce) là hoạt động mua bán hàng hóa và dịch vụ trên Internet, nơi những cửa hàng truyền thống bước vào từ phố xá nhộn nhịp của thế giới thật.

1. Khái niệm TMĐT

1.4. Các phương tiện thực hiện TMĐT

Thương mại điện tử được thực hiện qua các phương tiện truyền thông đa phương tiện, internet, mạng viễn thông, được thiết kế để giúp hoàn thành mục tiêu kinh doanh một cách tốt hơn và thông minh hơn. Thương mại điện tử là ngành có liên quan đến kinh tế.

1. Khái niệm TMĐT

1.5. Các hoạt động cơ bản của TMĐT

Các hoạt động tập trung trực tiếp vào hành vi trao đổi (mua và bán) giữa bên bán và bên mua đó là: Mua hàng điện tử; Marketing điện tử; Hợp đồng điện tử; Phân phối điện tử; Thanh toán điện tử; và Quản trị quan hệ khách hàng điện tử.

2. Đặc điểm và phân loại TMĐT

2.1. Đặc điểm của TMĐT

Đặc điểm của thương mại điện tử là không giới hạn về khoảng cách địa lý nên chủ shop có thể mở rộng phạm vi kinh doanh trong thị trường nội địa và cả quốc tế.

Chủ shop có thể mở "cửa hàng trực tuyến" 24/24 xuyên suốt cả năm bởi đặc điểm thương mại điện tử là không giới hạn về thời gian.

3. Lợi ích và hạn chế của TMĐT

3.1. Lợi ích của TMĐT

3.1.1. Đối với doanh nghiệp

- Mở rộng thị trường với chi phí thấp.
- Giảm chi phí sản xuất
- Tối ưu hệ thống phân phối
- Tối đa thời gian hoạt động
- Cá nhân hoá sản phẩm
- Mô hình kinh doanh mới
- Tăng tốc độ ra mắt sản phẩm mới
- củng cố quan hệ khách hàng

3.1.2. Đối với người tiêu dùng

- Vượt giới hạn về không gian và thời gian.
- Có nhiều lựa chọn về sản phẩm và dịch vụ
- Giá thấp hơn
- Giao hàng nhanh hơn với các hàng hóa số hóa được.
- Thông tin phong phú, thuận tiện và chất lượng cao hơn.
- Đấu giá.
- Cộng đồng TMĐT.

3.1.3. Đối với xã hội

- Hoạt động trực tuyến. TMĐT tạo ra môi trường để làm việc, mua sắm, giao dịch... từ xa nên giảm việc đi lại, ô nhiễm, tai nạn.
- Nâng cao mức sống của người dân
- Lợi ích cho các nước nghèo
- Dịch vụ công được cung cấp thuận tiện hơn.

3.2. Hạn chế của TMĐT

3.2.1. Về mặt thương mại

- An ninh và quyền riêng tư là hai cản trở về tâm lý đối với người tham gia TMĐT;
- Thiếu lòng tin giữa người mua và người bán do không gặp nhau trực tiếp;
- Nhiều vấn đề về luật, chính sách, thuế chưa được làm rõ;
- Các phương pháp đánh giá hiệu quả của TMĐT còn chưa đầy đủ, hoàn thiện;
- Cần nhiều thời gian để chuyển đổi thói quen tiêu dùng từ thực đến ảo;

- 
- Sự tin cậy đối với môi trường kinh doanh không giấy tờ, không tiếp xúc trực tiếp, giao dịch điện tử cần có thời gian;
 - Gian lận trong TMĐT thể hiện phức tạp và xu hướng ngày càng tăng;
 - Khó khăn trong thu hút vốn đầu tư mạo hiểm sau sự sụp đổ hàng loạt của các công ty dot.com.

3.2.2. Về mặt kỹ thuật

- Chưa có tiêu chuẩn quốc tế về chất lượng, an toàn và độ tin cậy;
- Khả năng truy cập và tốc độ đường truyền Internet vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu của người dùng;
- Khó khăn khi kết hợp các phần mềm TMĐT với các phần mềm ứng dụng và các cơ sở dữ liệu truyền thống;
- Cần có các máy chủ TMĐT đặc biệt (công suất, an toàn) đòi hỏi thêm chi phí đầu tư;
- Thực hiện các đơn đặt hàng trong TMĐT B2C đòi hỏi hệ thống kho hàng tự động lớn.

CHƯƠNG II. GIAO DỊCH ĐIỆN TỬ

1. Hợp đồng điện tử

2. Thanh toán điện tử

3. Chữ ký số và chứng thực chữ ký số

1. Hợp đồng điện tử

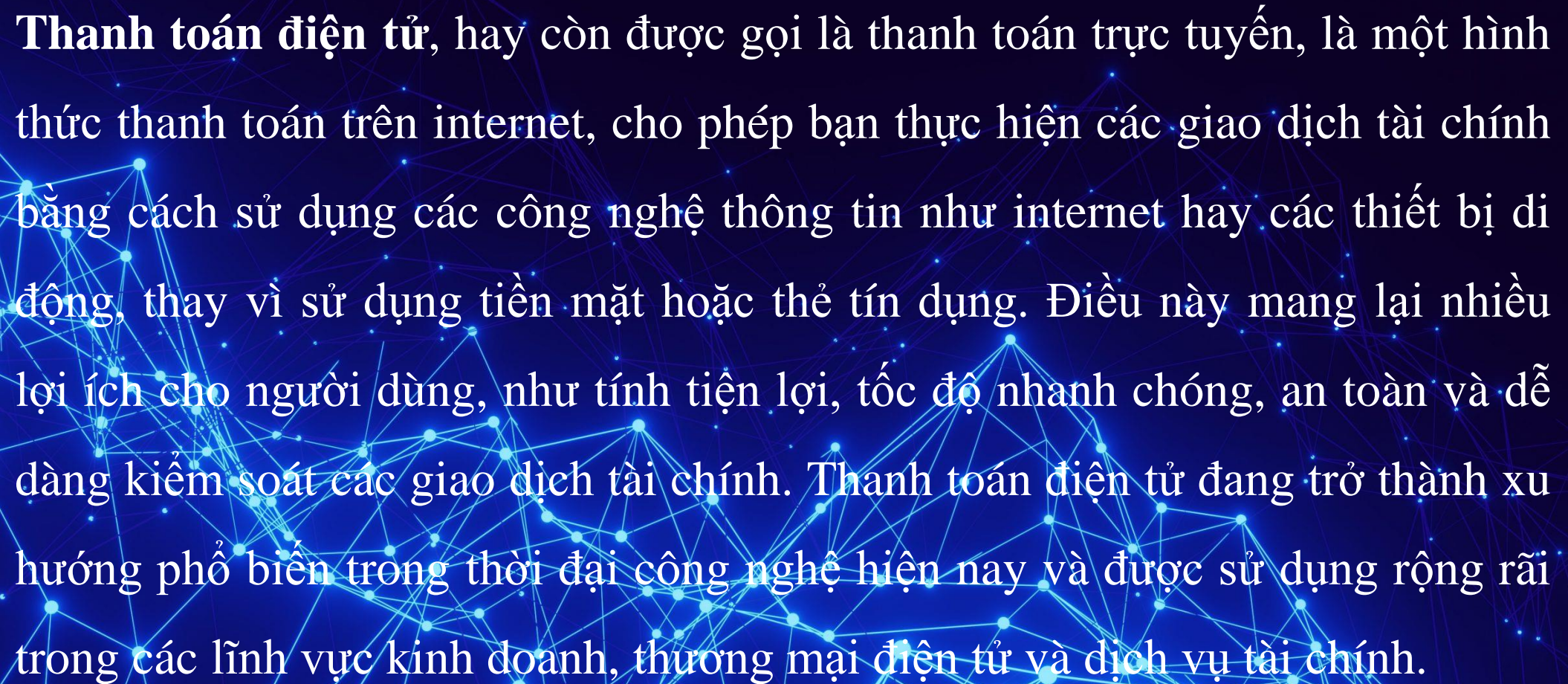
Hợp đồng điện tử là loại hợp đồng mà các bên tham gia thỏa thuận về việc xác lập, thay đổi hoặc chấm dứt quyền và nghĩa vụ gửi đi, nhận lại, đồng thời được lưu trữ trên các phương tiện điện tử như công nghệ điện tử, kỹ thuật số, quang học cùng các phương tiện điện tử khác

Những điểm cần chú ý khi sử dụng hợp đồng điện tử

- Vấn đề bản gốc và lưu trữ hợp đồng
- Thời điểm hình thành hợp đồng

2. Thanh toán điện tử

Thanh toán điện tử là việc sử dụng, chuyển giao và thanh toán tiền thông qua các phương tiện điện tử thay cho việc trao tay bằng tiền mặt.



Thanh toán điện tử, hay còn được gọi là thanh toán trực tuyến, là một hình thức thanh toán trên internet, cho phép bạn thực hiện các giao dịch tài chính bằng cách sử dụng các công nghệ thông tin như internet hay các thiết bị di động, thay vì sử dụng tiền mặt hoặc thẻ tín dụng. Điều này mang lại nhiều lợi ích cho người dùng, như tính tiện lợi, tốc độ nhanh chóng, an toàn và dễ dàng kiểm soát các giao dịch tài chính. Thanh toán điện tử đang trở thành xu hướng phổ biến trong thời đại công nghệ hiện nay và được sử dụng rộng rãi trong các lĩnh vực kinh doanh, thương mại điện tử và dịch vụ tài chính.

Lợi ích của thanh toán điện tử

- Nhanh chóng, tiện dụng, phù hợp với dòng chảy thị trường
- Dễ dàng theo dõi và kiểm soát
- Hạn chế rủi ro khi dùng tiền mặt

Những hình thức thanh toán điện tử phổ biến

- Thanh toán bằng thẻ
- Thanh toán bằng ví điện tử
- Thanh toán bằng ứng dụng mobile banking.

Chữ ký số

Chữ ký số là một dạng chữ ký điện tử được tạo ra bằng sự biến đổi một thông điệp dữ liệu sử dụng hệ thống mật mã không đối xứng, theo đó, người có được thông điệp dữ liệu ban đầu và khóa công khai của người ký có thể xác định được chính xác

CHƯƠNG III. AN TOÀN THÔNG TIN TRONG TMĐT

1. Tổng quan về ATTT và ATTT trong TMĐT
2. Rủi ro từ các hành vi tấn công mạng trong TMĐT
3. Bảo đảm ATTT

CHƯƠNG III. AN TOÀN THÔNG TIN TRONG TMĐT

1. Tổng quan về ATTT và ATTT trong TMĐT
2. Rủi ro từ các hành vi tấn công mạng trong TMĐT
3. Bảo đảm ATTT

Một số khái niệm về ATTT

An toàn thông tin mạng là sự bảo vệ thông tin, hệ thống thông tin trên mạng tránh bị truy nhập, sử dụng, tiết lộ (**Confidentiality**), gián đoạn (**Availability**), sửa đổi (**Integrity**) hoặc phá hoại trái phép nhằm bảo đảm tính nguyên vẹn, tính bảo mật và tính khả dụng của thông tin (**Luật ATTT**)

Nói cách khác, đảm bảo an toàn thông tin là đảm bảo ba thuộc tính sau:

- Tính bí mật (Confidentiality)
- Tính toàn vẹn (Integrity)
- Tính sẵn sàng (Availability)



Một số khái niệm về ATTT (2)

- ▶ **Tính bí mật (Confidentiality):** Là đảm bảo thông tin chỉ được truy xuất bởi những đối tượng được cấp quyền.
- ▶ **Tính toàn vẹn (Integrity):** Là duy trì và đảm bảo tính chính xác và nhất quán của dữ liệu trên toàn bộ vòng đời của nó.
- ▶ **Tính sẵn sàng (Availability):** Thông tin phải sẵn có khi cần thiết, không bị gián đoạn đối với đối tượng có quyền truy xuất.

❖ **An ninh mạng:** là sự bảo đảm hoạt động trên không gian mạng không gây phương hại đến an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân. (Luật ANM)

Tại sao cần bảo vệ bí mật nhà nước

- ▶ Kể từ năm 2001 đến thời gian gần đây có 840 vụ lộ, mất bí mật nhà nước
- ▶ Tài liệu bị lộ gồm có cả tài liệu Tuyệt mật, và Tối mật (liên quan đến chủ trương giải quyết tránh chấp, đường lối, chính sách...)
- ▶ Hình thức lộ:
 - ▶ Qua thông tin, liên lạc
 - ▶ Báo chí, xuất bản
 - ▶ Quan hệ quốc tế

Vậy, bí mật nhà nước là gì

- ▶ Khái niệm: Là thông tin có nội dung quan trọng do người đứng đầu cơ quan, tổ chức có thẩm quyền xác định căn cứ vào quy định của Luật này, chưa công khai, nếu bị lộ, bị mất có thể gây nguy hại đến lợi ích quốc gia, dân tộc.
- ▶ Khái niệm trên là sở cứ để phân biệt với các loại bí mật khác, như bí mật công tác, bí mật đời sống riêng tư, bí mật gia đình, bí mật kinh doanh

Nguyên tắc bảo vệ bí mật nhà nước

- ▶ Đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam
- ▶ Là trách nhiệm của mọi cơ quan, tổ chức, cá nhân
- ▶ Xử lý nghiêm hành vi vi phạm
- ▶ Bảo đảm quyền tiếp cận của công dân

Các hành vi bị cấm

- ▶ Làm lộ, chiếm đoạt, mua bán bí mật nhà nước
- ▶ Làm sai lệch, hư hỏng, mất tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước
- ▶ Soạn thảo, lưu trữ tài liệu có chứa nội dung bí mật nhà nước trên máy tính hoặc thiết bị khác đã kết nối hoặc đang kết nối mạng Internet, mạng Internet, mạng viễn thông
- ▶ Sử dụng thiết bị có tính năng thu phát tín hiệu, ghi âm, ghi hình trong hội nghị, hội thảo, cuộc họp có nội dung bí mật nhà nước
- ▶ Đăng tải, phát tán bí mật nhà nước

2. Rủi ro về ATTT trong TMDT

ID	Prefix	Email	Count	Value	Value	Value	Value	Value	Value	Value	Value
17387322	W	...@gmail.com	1			1	W	W		W	W
17387328	W	...a19@gmail.com		1			W	W		W	W
17387335	W	...JnikMurah6@gmail.com		1			2		W		
17387336	W	...6@gmail.com	1				01	W		W	0
65146045	W	...a19@gmail.com	W	1			W	W	W	W	W
30902586	W	...5@gmail.com	W	1			0	W	W	W	W
41762253	W	...@golekruan.com	W	-1			0	W	W		W
88415475	W	...345	W	1	h P	0	W	W		W	W
96909565	W	...570	W	1			0	W	W	W	W
35115984	W	...710	W	1			0	W	W	W	W
76867940	W	...50	W	1			W	W		W	W
35116023	W	...482	W	1			0	W	W	W	W
35221179	W	...499	W	1			0	W	W	W	W
35173979	W	...380	W	1			0	W	W	W	W
35311094	W	...42122	W	1			0	W	W	W	W
35851807	W	...5@gmail.com	W	1			0	W	W	W	W
35313271	W	...a813@gmail.com	W	1			0	W	W	W	W
76141442	W	...447	W	1		1		W		W	W
26609489	W	...ssendi02@gmail.com		1				1	W	W	W
35091987	W	...71@yahoo.com	W	-1			0	W	W	W	W
97562675	W	...57	W	1			0	W	W	W	W
55550191	W	...311855@tokopedia.com	W	1	Tokopedia Loadtest			1	0001-01-01	W	W
65041884	W	...65	W	1			0	W	W	W	W
19353568	W	...1033@gmail.com	W	1				1	W	W	W

Dữ liệu người dung bị lộ thông tin

Rủi ro từ tấn công Phishing

Tấn công theo hình thức lừa đảo Phishing luôn là một trong những rủi ro bảo mật phổ biến hàng đầu của thương mại điện tử. Kẻ tấn công thường sử dụng email, tin nhắn pop-up hay trang web giả mạo ngân hàng, trang web giao dịch trực tuyến, ví điện tử, các công ty thẻ tín dụng để lừa người dùng chia sẻ các thông tin nhạy cảm như: tài khoản & mật khẩu đăng nhập, mật khẩu giao dịch, thẻ tín dụng, tài khoản ngân hàng



Rủi ro gian lận thẻ tín dụng

Rủi ro gián đoạn hoạt động của website

Rủi ro về bảo mật dữ liệu



AN TOÀN THÔNG TIN TRONG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG TMĐT

1. Bảo mật hệ thống thanh toán
2. Bảo mật hệ thống website



AN TOÀN KHI THANH TOÁN TRỰC TUYẾN



An toàn khi thanh toán trực tuyến (1)

1- Thanh toán trực tuyến là gì?

Thanh toán trực tuyến là dịch vụ giúp khách hàng thanh toán qua Internet khi mua hàng

2- Các hình thức thanh toán trực tuyến

(1) Thanh toán bằng thẻ

(2) Thanh toán qua cổng thanh toán (vd, F@st MobiPay)

(3) Thanh toán bằng ví điện tử (vd, Ví điện tử Mobivi – Ngân hàng BIV)

(4) Thanh toán bằng thiết bị di động thông minh (vd, liên kết theo mô hình Mobile Banking – Hệ thống bán hàng – Người tiêu dùng)

An toàn thanh toán trực tuyến (2)

(5) Thanh toán qua truyền khoản ngân hàng

3- 10 khuyến nghị đảm bảo an toàn khi thanh toán trực tuyến

(1) Hãy kiểm tra kỹ lưỡng xem người bán là ai?

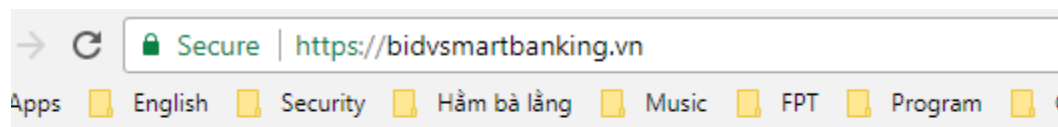
Trường hợp mua sản phẩm từ người bán mà trước đây chưa từng thực hiện giao dịch thì hãy điều tra thông tin của họ. Nhìn thoáng qua có thể đó là trang web không độc hại nhưng thực tế trang web này có thể lại là trang web lừa đảo (phishing). Để chuẩn bị trước cho trường hợp có vấn đề phát sinh khi giao dịch và thanh toán thì hãy ghi chú trước các thông tin như địa chỉ cửa tiệm, số điện thoại, địa chỉ thực tế.

An toàn thanh toán trực tuyến (3)

(3) Kiểm trang web có hợp pháp không?

Trước khi nhập thông tin cá nhân và thông tin tài khoản thanh toán khi thực hiện mua sắm trực tuyến, hãy kiểm tra xem trang web đó có an toàn hay không. Thông tin cần kiểm tra:

- Kiểm tra kỹ lưỡng tên miền
- Ấn danh: Chrom Ctrl + Alt + N, Firefox Ctrl + Alt + P
- Kiểm tra khoá xanh (CA)



An toàn thanh toán trực tuyến (3)

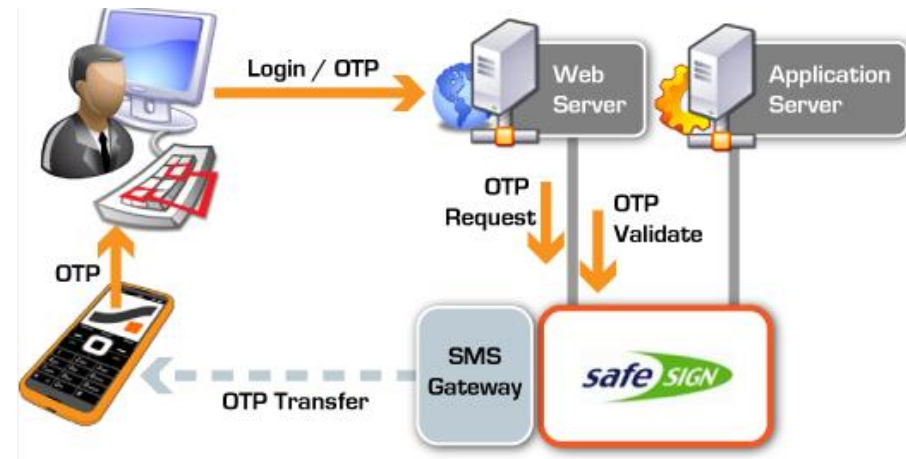
Không lưu thông tin đăng nhập trên trình duyệt => chọn
“Không bao giờ”
Thoát ra khi không còn sử dụng



An toàn thanh toán trực tuyến (4)

(4) Khi sử dụng USB Token cho việc thanh toán

- Giữ gìn tránh đánh mất
- Không để lộ mã
- An toàn trước khi nhập mã



An toàn thanh toán trực tuyến (5)

- (5) Cài đặt phần mềm Anti-virus để chống đánh cắp thông tin tài khoản, thông tin thẻ tín dụng
- (6) Không nên sử dụng mạng wifi công cộng để giao dịch thanh toán, không dùng máy tính hay các thiết bị thông minh của người khác cho việc thanh toán
- (7) Nên in và lưu lại màn hình xác nhận cuối cùng khi đặt hàng làm chứng từ hợp lệ, nếu phát sinh tranh chấp hoặc tra soát về sau
- (8) Chủ thẻ tuyệt đối không trả lời, không cung cấp thông tin thẻ khi nhận được yêu cầu qua các kênh email, điện thoại, website có dấu hiệu nghi ngờ

An toàn thanh toán trực tuyến (6)

- (9) Đăng ký dịch vụ BSMS cho thẻ và kiểm soát chặt chẽ chi tiêu phát sinh từ thẻ
- (10) Lưu thông tin trung tâm hỗ trợ khách hàng để khi có vấn đề bất thường cần lập tức nhờ hỗ trợ



Thank you!